PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2010/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị".

Điều 2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2011.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Điều 9, Điều 10 Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước;

b) Khoản 6 Điều 2 Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ
TÀI CHÍNH PHỤC VỤ DI DỜI CÁC CƠ SỞ GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC CƠ SỞ PHẢI DI DỜI THEO QUY HOẠCH XÂY DỰNG ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tạo nguồn vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ vị trí sau khi di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị (sau đây gọi chung là vị trí cũ) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Việc tạo nguồn vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ quỹ đất tại vị trí các cảng trên sông Sài Gòn và Nhà máy đóng tàu Ba Son thực hiện theo Quyết định số 46/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này.

3. Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể danh mục và thời hạn các cơ sở phải di dời trong từng thời kỳ.

Nếu quá thời hạn quy định mà các đối tượng phải di dời chưa thực hiện di dời thì không được áp dụng các quy định tại Quy chế này; đồng thời tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chậm di dời phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có vốn nhà nước đang quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất gây ô nhiễm môi trường hoặc phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời), việc tạo nguồn vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn thu được từ vị trí cũ thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các cơ sở ngoài công lập, tổ chức và doanh nghiệp không có vốn nhà nước phải di dời (tại khoản này gọi tắt là cơ sở phải di dời), việc tạo nguồn vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn thu được từ vị trí cũ thực hiện như sau:

a) Đất tại vị trí cũ là đất nhận chuyển nhượng hoặc được giao có thu tiền sử dụng đất thì cơ sở phải di dời quyết định chuyển nhượng, chuyển mục đích theo quy định của pháp luật về đất đai và sử dụng nguồn vốn thu được từ xử lý đất tại vị trí cũ để thực hiện di dời theo quy định;

b) Đất tại vị trí cũ được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất hoặc giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê thì cơ sở phải di dời được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất hàng năm (đối với cơ sở trong nước phải di dời); lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (đối với cơ sở nước ngoài phải di dời) để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí cũ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Trường hợp doanh nghiệp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê thì phải nộp tiền sử dụng đất hoặc nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Đất tại vị trí cũ bị Nhà nước thu hồi hoặc cơ sở phải di dời trả lại đất cho Nhà nước thì được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc tạo nguồn và sử dụng nguồn vốn thu được từ vị trí cũ

1. Áp dụng hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê tại vị trí cũ đối với việc sử dụng quỹ đất này để thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch, tạo nguồn vốn phục vụ di dời (không áp dụng hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm).

Đối tượng áp dụng, trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất tại vị trí cũ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Toàn bộ số tiền thu được tại vị trí cũ (sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định) được sử dụng để hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời để ổn định hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, đời sống người lao động và thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số còn lại xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ vị trí cũ được thực hiện theo quy định cụ thể của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 4. Tạo nguồn vốn từ vị trí cũ

Nguồn vốn được hình thành từ vị trí cũ bao gồm:

1. Tiền bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

2. Tiền chuyển mục đích sử dụng đất;

3. Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Điều 5. Các hình thức xử lý đất tại vị trí cũ

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thực hiện bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

2. Nhà nước thu hồi đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

3. Doanh nghiệp phải di dời tự làm chủ đầu tư hoặc liên doanh với nhà đầu tư khác hình thành pháp nhân mới làm chủ đầu tư để thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 6. Bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ

1. Việc bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ sau khi các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đã di dời được thực hiện bằng hình thức đấu giá, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập phải di dời căn cứ vào nhiệm vụ được giao và quy hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được đề xuất bán, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ cơ sở nhà, đất tại vị trí cũ.

Trường hợp bán, chuyển nhượng một phần cơ sở nhà, đất tại vị trí cũ thì việc xác định phần diện tích bán, chuyển nhượng và phần diện tích giữ lại tiếp tục sử dụng phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không làm ảnh hưởng tới việc tạo nguồn vốn từ vị trí cũ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới;

c) Được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời thuộc địa phương quản lý) quyết định.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 4 Điều này quyết định việc bán, chuyển nhượng bằng hình thức chỉ định trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời hạn thông báo bán đấu giá theo quy định mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất;

b) Đến thời điểm quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua để sử dụng vào mục đích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phù hợp với quy hoạch được duyệt;

c) Tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản gắn liền với đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với cơ sở nhà, đất đang thuê của tổ chức có chức năng cho thuê nhà, đất (Công ty quản lý kinh doanh nhà, Công ty kho bãi hoặc Công ty dịch vụ công ích) phù hợp với quy hoạch được duyệt và phương án xử lý nhà, đất của Công ty quản lý kinh doanh nhà, Công ty kho bãi hoặc Công ty dịch vụ công ích đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

4. Thẩm quyền quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị), đại diện chủ sở hữu (đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp khác);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

5. Giá khởi điểm bán đấu giá, giá bán chỉ định được xác định theo nguyên tắc và quy trình như sau:

a) Giá tài sản gắn liền với đất phải bảo đảm phù hợp với giá trị thực tế còn lại theo kết quả đánh giá lại; giá trị quyền sử dụng đất được xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển nhượng theo mục đích sử dụng mới của khu đất, không thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá để xác định giá tài sản gắn liền với đất và giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất, gửi Sở Tài chính;

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng thẩm định giá để thẩm định. Trường hợp không thuê được tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá thì Hội đồng thẩm định giá xác định giá tài sản gắn liền với đất, giá trị quyền sử dụng đất;

d) Căn cứ kết quả thẩm định hoặc xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá trị quyền sử dụng đất quy định tại điểm c khoản này, Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp không phải 100% vốn nhà nước; có ý kiến về giá tài sản gắn liền với đất của doanh nghiệp không phải 100% vốn nhà nước để doanh nghiệp quyết định giá bán tài sản gắn liền với đất theo quy định;

- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

đ) Giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cấp có thẩm quyền quy định tại điểm d khoản này quyết định là giá khởi điểm để bán đấu giá (trong trường hợp bán đấu giá) hoặc là giá bán cho người mua (trong trường hợp bán chỉ định).

6. Tiền bán tài sản gắn liền với đất của doanh nghiệp phải di dời được xác định, chi trả và sử dụng như sau:

a) Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức đấu giá thì tiền bán tài sản gắn liền với đất trong giá trúng đấu giá là giá khởi điểm để bán đấu giá quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Trường hợp bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng hình thức chỉ định thì tiền bán tài sản gắn liền với đất trong giá bán chỉ định là giá đã được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Tiền bán tài sản gắn liền với đất được trả trực tiếp cho doanh nghiệp phải di dời để sử dụng theo quy định của pháp luật.

7. Số tiền thu được từ bán tài sản gắn liền với đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời và tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất) để sử dụng theo quy định tại Quy chế này. Việc quản lý tài khoản tạm giữ được quy định như sau:

a) Bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời thuộc trung ương quản lý;

b) Bộ Tài chính làm chủ tài khoản đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý;

c) Sở Tài chính làm chủ tài khoản đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại vị trí cũ để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời được bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp không được bồi thường về đất, nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời có dự án đầu tư tại vị trí mới thì được hỗ trợ bằng tiền theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ tối đa không quá mức bồi thường về đất bị thu hồi tại vị trí cũ.

3. Tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi được trả trực tiếp cho doanh nghiệp phải di dời để sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất bị thu hồi của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời và tiền hỗ trợ về đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời được chuyển vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất) để sử dụng theo quy định tại Quy chế này. Việc quản lý tài khoản tạm giữ được quy định như sau:

a) Bộ, cơ quan trung ương làm chủ tài khoản đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời thuộc trung ương quản lý;

b) Bộ Tài chính làm chủ tài khoản đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý;

c) Sở Tài chính làm chủ tài khoản đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc địa phương quản lý.

Điều 8. Chuyển mục đích sử dụng đất tại vị trí cũ

1. Doanh nghiệp phải di dời được chuyển mục đích sử dụng đất khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có chức năng kinh doanh phù hợp với dự án đầu tư;

b) Có dự án đầu tư xây dựng tại vị trí cũ được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương;

c) Có vốn đầu tư thuộc sở hữu của mình không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm cả tiền để thực hiện dự án đầu tư và tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất) và cam kết của tổ chức tín dụng bảo đảm cho vay đủ vốn để nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và triển khai dự án đầu tư tại vị trí cũ đúng tiến độ.

2. Trường hợp doanh nghiệp phải di dời liên doanh với nhà đầu tư khác thành lập pháp nhân mới để thực hiện dự án đầu tư có chuyển mục đích sử dụng đất thì pháp nhân mới phải đảm bảo đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời doanh nghiệp phải di dời phải có phần vốn góp không thấp hơn 26% trong vốn điều lệ của pháp nhân mới.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất đối với các doanh nghiệp phải di dời theo quy định của pháp luật về đất đai; riêng đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

4. Khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, doanh nghiệp được phép chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất theo quy định. Giá đất để tính thu tiền sử dụng đất hoặc tính thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi chuyển mục đích sử dụng đất do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của địa phương xác định sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Số tiền thu được từ chuyển mục đích sử dụng đất nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất) để sử dụng theo quy định tại Quy chế này. Việc quản lý tài khoản tạm giữ được quy định như sau:

a) Bộ Tài chính làm chủ tài khoản đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc Trung ương quản lý;

b) Sở Tài chính làm chủ tài khoản đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc địa phương quản lý.

Điều 9. Ứng trước vốn để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới

1. Bộ, cơ quan trung ương căn cứ tính cấp bách của từng dự án đầu tư tại vị trí mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết định việc ứng vốn từ tài khoản tạm giữ về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Bộ, cơ quan trung ương cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý. Trường hợp tài khoản tạm giữ không có tiền thì Bộ, cơ quan trung ương có văn bản đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ cho phép ứng trước vốn từ nguồn tài chính tạm thời nhàn rỗi do Bộ Tài chính quản lý (nếu có).

2. Sở Tài chính căn cứ tính cấp bách của từng dự án đầu tư tại vị trí mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết định việc ứng vốn từ tài khoản tạm giữ về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của địa phương cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc địa phương quản lý. Trường hợp tài khoản tạm giữ không có tiền thì Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép ứng trước vốn từ nguồn tài chính tạm thời nhàn rỗi do Sở Tài chính quản lý (nếu có).

3. Mức ứng vốn tối đa cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời không quá 50% dự toán chi cho dự án đầu tư tại vị trí mới bằng nguồn thu từ vị trí cũ

đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã ứng trước theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Sử dụng nguồn vốn thu được từ vị trí cũ đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời

1. Chi trả các chi phí có liên quan gồm:

a) Chi phí đo vẽ nhà, đất;

b) Chi phí xác định giá, thẩm định giá và chi phí tổ chức bán đấu giá;

c) Chi phí di dời gồm:

- Chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị khi thực hiện di dời và bù đắp thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt;

- Chi phí hỗ trợ để di dời các hộ dân đang ở tại vị trí cũ (nếu có).

d) Các chi phí khác có liên quan.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định các khoản chi phí quy định tại các điểm a, b, c và d nêu trên theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời. Riêng chi phí hỗ trợ để di dời các hộ dân đang ở tại vị trí cũ (nếu có) do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung vào các khoản chi trả từ số tiền thu được tại vị trí cũ.

Sở Tài chính thực hiện chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ sở nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý; có văn bản đề nghị chủ tài khoản chuyển tiền chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng có liên quan đối với cơ sở nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý.

2. Nguồn vốn thu được tại vị trí cũ (sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1 Điều này) được sử dụng để hỗ trợ các khoản sau:

a) Hỗ trợ nghỉ việc theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế này;

b) Hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế này;

c) Số tiền còn lại sau khi trừ các khoản hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản này được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quy chế này (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý) theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Quy chế này (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý) theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

Điều 11. Mức hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời

1. Hỗ trợ nghỉ việc cho người lao động tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời:

Công chức, viên chức, người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động mà đã làm việc từ 12 tháng trở lên tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời, khi nghỉ việc được hỗ trợ 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm thực tế làm việc và 06 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) để tìm việc làm mới.

Thời gian làm việc được tính hỗ trợ nghỉ việc là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ ngày có quyết định tuyển dụng hoặc ngày bắt đầu làm việc theo Hợp đồng lao động đến khi có quyết định nghỉ việc của cơ quan có thẩm quyền.

Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ tính hỗ trợ nêu trên là tiền lương theo thang, bảng lương thực tế tại thời điểm nghỉ việc.

Công chức, viên chức, người lao động có nguyện vọng học nghề thì ngoài khoản hỗ trợ nghỉ việc nêu trên, được hỗ trợ đào tạo tối đa 12 tháng tại các cơ sở dạy nghề theo thông báo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cơ sở nhà, đất.

2. Hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị phải di dời để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Sử dụng nguồn vốn thu được từ đất tại vị trí cũ đối với doanh nghiệp phải di dời

1. Chi trả các chi phí có liên quan gồm:

a) Chi phí đo vẽ nhà, đất;

b) Chi phí xác định giá, thẩm định giá và chi phí tổ chức bán đấu giá;

c) Chi phí di dời theo chế độ quy định gồm:

- Chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt máy móc, thiết bị khi thực hiện di dời và bù đắp thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt;

- Chi phí hỗ trợ để di dời các hộ dân đang ở tại vị trí cũ (nếu có).

d) Chi phí đầu tư vào đất còn lại không có nguồn gốc ngân sách nhà nước gồm:

- Tiền sử dụng đất của thời hạn chưa sử dụng đất trong trường hợp giao đất có thời hạn, tiền thuê đất đã nộp trước cho thời hạn chưa sử dụng đất.

- Chi phí san lấp mặt bằng, chi phí tôn tạo đất.

Các chi phí nêu trên phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ, thực tế chứng minh và được xác định bằng tổng chi phí hợp lý tính thành tiền đầu tư vào đất trừ đi số tiền đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh tương ứng với thời gian đã sử dụng đất.

đ) Các chi phí khác có liên quan.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định các khoản chi phí quy định tại các điểm a, b, c, d và đ nêu trên theo đề nghị của doanh nghiệp phải di dời. Riêng chi phí hỗ trợ để di dời các hộ dân đang ở tại vị trí cũ (nếu có) do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện lập, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung vào các khoản chi trả từ số tiền thu được tại vị trí cũ.

Sở Tài chính thực hiện chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng liên quan đối với cơ sở nhà, đất do doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý; có văn bản đề nghị chủ tài khoản chuyển tiền chi trả các khoản chi phí cho các đối tượng có liên quan đối với cơ sở nhà, đất do doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý.

2. Nguồn vốn thu được từ đất tại vị trí cũ (sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1 Điều này) được sử dụng để hỗ trợ các khoản sau đây:

a) Hỗ trợ ngừng việc, nghỉ việc, ngừng sản xuất kinh doanh, đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này;

b) Hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này;

c) Số tiền còn lại sau khi trừ các khoản hỗ trợ quy định tại điểm a và b khoản này được nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy chế này đối với doanh nghiệp phải di dời thuộc trung ương quản lý theo đề nghị của doanh nghiệp phải di dời và ý kiến thống nhất của đại diện chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị (kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông); trừ mức hỗ trợ lãi suất để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới của doanh nghiệp phải di dời.

b) Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Quy chế này đối với doanh nghiệp phải

di dời thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của doanh nghiệp phải di dời và ý kiến thống nhất của đại diện chủ sở hữu hoặc Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị (kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông); bao gồm cả mức hỗ trợ lãi suất để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới của doanh nghiệp thuộc trung ương quản lý.

Điều 13. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp phải di dời

1. Hỗ trợ cho người lao động và doanh nghiệp phải di dời:

a) Hỗ trợ ngừng việc:

Người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động mà đã làm việc từ 06 tháng trở lên tại doanh nghiệp phải di dời tính đến thời điểm ngừng việc, trong thời gian ngừng việc được hỗ trợ 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi tháng ngừng việc, nhưng tối đa không quá 12 tháng;

Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ tính hỗ trợ nêu trên là tiền lương theo thang, bảng lương thực tế tại thời điểm ngừng việc.

b) Hỗ trợ nghỉ việc:

Người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động mà đã làm việc từ 12 tháng trở lên tại doanh nghiệp phải di dời tính đến thời điểm nghỉ việc, khi nghỉ việc được hỗ trợ 01 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) cho mỗi năm thực tế làm việc và 06 tháng tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) để tìm việc làm mới;

Tiền lương và phụ cấp lương (nếu có) làm căn cứ tính hỗ trợ nêu trên là tiền lương theo thang, bảng lương thực tế tại thời điểm nghỉ việc;

Người lao động có nguyện vọng học nghề thì ngoài khoản hỗ trợ nghỉ việc nêu trên, được hỗ trợ đào tạo tối đa 12 tháng tại các cơ sở dạy nghề theo thông báo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi có cơ sở nhà, đất.

c) Hỗ trợ cho doanh nghiệp phải di dời do ngừng kinh doanh với mức 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 3 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận; thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế phải ngừng kinh doanh nhưng không quá 2 năm;

d) Hỗ trợ đào tạo nghề bằng hình thức dạy nghề cho số lao động tuyển mới để làm việc tại vị trí mới với mức 500.000 đồng/người/tháng, thời gian tối đa là 12 tháng.

2. Hỗ trợ cho doanh nghiệp phải di dời để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện thì hỗ trợ theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong thời gian chưa được nhận khoản hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới mà phải vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới thì được hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư. Mức hỗ trợ là lãi suất thực tế theo Hợp đồng tín dụng, không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, tính trên tổng số tiền vay để thực hiện dự án đầu tư. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ khi vay đến khi nhận được khoản hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư nhưng không quá 12 tháng.

b) Đối với dự án đầu tư do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước liên doanh với nhà đầu tư khác thành lập pháp nhân mới thực hiện thì hỗ trợ theo số vốn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước phải góp;

c) Đối với dự án đầu tư do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên thực hiện thì mức hỗ trợ do Thủ tướng Chính phủ quyết định (đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên), Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định (đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 100 tỷ đồng của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 100 tỷ đồng của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên thuộc địa phương quản lý) trên cơ sở các căn cứ sau đây:

- Nguồn vốn thu được từ đất tại vị trí cũ còn lại sau khi trừ các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này;

- Tính chất của dự án đầu tư và sự cần thiết phải đầu tư vốn của ngân sách nhà nước vào doanh nghiệp;

- Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông về việc tiếp nhận vốn từ ngân sách nhà nước vào doanh nghiệp.

Trường hợp Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quyết định đầu tư vốn của ngân sách nhà nước vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên hoặc Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông không đề nghị tiếp nhận vốn từ ngân sách nhà nước thì doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay thực tế để thực hiện dự án đầu tư. Mức hỗ trợ là lãi suất thực tế theo Hợp đồng tín dụng, không vượt quá 150% của

lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố, tính trên tổng số tiền vay để thực hiện dự án đầu tư. Thời gian hỗ trợ lãi suất là thời gian vay thực tế ghi trên Hợp đồng tín dụng nhưng không quá 24 tháng.

3. Tổng số tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp phải di dời quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này không quá 70% nguồn vốn thu được từ đất tại vị trí cũ (sau khi trừ các khoản chi phí quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này); riêng đối với các dự án đầu tư tại vị trí mới thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật thì được hỗ trợ không quá 100% nguồn vốn thu được từ đất tại vị trí cũ (sau khi trừ các khoản chi phí quy định tại khoản 1 Điều 12 Quy chế này).

Điều 14. Quy định về quản lý, thanh quyết toán vốn từ nguồn vốn phục vụ di dời

1. Việc quản lý, cấp phát, quyết toán tiền để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới quy định khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13 Quy chế này thực hiện theo chế độ quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Căn cứ mức hỗ trợ lãi suất để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho từng doanh nghiệp, chủ tài khoản chuyển tiền vào tài khoản của doanh nghiệp được hỗ trợ mở tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (nơi có cơ sở nhà, đất). Kho bạc nhà nước cấp tỉnh có trách nhiệm chi trả số tiền này theo tiến độ thực hiện của dự án và Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Doanh nghiệp được hỗ trợ lãi suất có trách nhiệm sử dụng số tiền được hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.

2. Số tiền cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời được cấp để thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 13 Quy chế này và số tiền hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Quy chế này được hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước và là vốn của Nhà nước đầu tư tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

Số tiền để hỗ trợ ngừng việc, nghỉ việc, ngừng kinh doanh, đào tạo nghề cho số lao động phải tuyển mới, lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 13 Quy chế này được hạch toán ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước.

3. Thủ tục thanh quyết toán số tiền hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị doanh nghiệp phải di dời thực hiện theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước.

4. Chủ tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản theo quy định của pháp luật.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị đã có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã được cấp có thẩm quyền quyết định, không áp dụng hoặc điều chỉnh theo quy định tại Quy chế này.

2. Đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị mà tại thời điểm Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền về việc xử lý đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ thì được áp dụng theo quy định tại Quy chế này.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện việc rà soát, kê khai, báo cáo và đề xuất phương án xử lý đối với đất, tài sản gắn liền với đất tại vị trí cũ; báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Quy chế này;

b) Bảo đảm chi trả các khoản hỗ trợ cho người lao động đúng đối tượng, chế độ quy định;

c) Sử dụng đúng mục đích, chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả các khoản hỗ trợ ngừng kinh doanh, đào tạo nghề cho số lao động phải tuyển mới, hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư;

d) Hoàn trả số tiền đã ứng trước để thực hiện dự án đầu tư tại vị trí mới (nếu có) đúng thời hạn quy định;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc phạm vi quản lý thực hiện Quy chế này;

b) Thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng các khoản hỗ trợ ngừng việc, nghỉ việc, ngừng kinh doanh, đào tạo nghề cho số lao động phải tuyển mới, hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay để thực hiện dự án đầu tư, hỗ trợ để thực hiện dự án đầu tư cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời thuộc phạm vi quản lý;

c) Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các vướng mắc trong tổ chức thực hiện Quy chế này;

d) Căn cứ quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi của cấp có thẩm quyền quy định tại Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan đến xử lý diện tích đất tại vị trí cũ theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thành viên các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng